

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-12-2020.
V/v: Ly hôn giữa chị P và anh
N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mãng.

2 – Ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị CTP, sinh 1998, trú tại: Bản P, xã TB, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh LVN, sinh 1996, trú tại: Bản P, xã TB, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị CTP trình bày:

Chị và anh LVN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 13/9/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Pi Toong, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVN không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị CTP xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVN.

Về con chung: Có hai con là LTY, sinh ngày 19/9/2013 và LTV, sinh ngày 13/10/2014. Nguyên vọng chị muốn được nuôi hai con do anh LVN nghiện ma túy không có khả năng nuôi con, không yêu cầu anh LVN phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có do anh LVN đã bán hết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh LVN từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị CTP và anh LVN. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn CTP.

Về con chung: Có hai con là LTY, sinh ngày 19/9/2013 và LTV, sinh ngày 13/10/2014.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị CTP được ly hôn anh LVN.

Về con chung: Giao cho chị CTP trực tiếp nuôi con là LTY, sinh ngày 19/9/2013 và LTV, sinh ngày 13/10/2014. Chị CTP không yêu cầu anh LVN phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị CTP chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh LVN sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyên vọng, anh LVN đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã TB, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh LVN.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị CTP và anh LVN có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do không hợp nhau. Hai người đã sống ly thân từ

năm 2018 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị CTP và anh LVN đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị CTP yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị CTP được ly hôn anh LVN.

[3] Về con chung: Căn cứ điều kiện hiện nay các cháu đang ở với chị, do anh LVN nghiện ma túy, cần giao các cháu cho chị CTP trực tiếp nuôi con LTY, sinh ngày 19/9/2013 và LTV, sinh ngày 13/10/2014, là đúng nguyện vọng của các cháu. Chị CTP không yêu cầu anh LVN phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị CTP chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị CTP được ly hôn anh LVN.

2. Về con chung: Giao cho chị CTP trực tiếp nuôi con là LTY, sinh ngày 19/9/2013 và LTV, sinh ngày 13/10/2014. Chị CTP không yêu cầu anh LVN phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị CTP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004025 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị CTP được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 24/12/2020.

Anh LVN được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã Pi Toong, huyện ML
(để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn